

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020176	Võ Văn	An	14/01/2007			8	6	5.0	8.0			0.0	0.0	2.7
2	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009			8	7	7.0	8.0			8.5		8.1
3	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009			8	9	8.0	8.0			7.3		7.6
4	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009			8	7	7.0	7.0			6.5		6.8
5	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009			9	7	8.0	9.0			0.0	0.0	3.3
6	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009			8	7	7.0	7.0			7.5		7.4
7	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009			8	7	7.0	8.0			6.5		6.9
8	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009			8	9	8.0	8.0			6.0		6.9
9	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009			9	8	8.0	9.0			5.8		6.9
10	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009			8	6	5.0	8.0			6.0		6.3
11	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009			8	6	5.0	8.0			5.0		5.7
12	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009			8	9	8.0	8.0			6.0		6.9
13	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009			8	7	7.0	7.0			6.5		6.8
14	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009			8	7	7.0	7.0			6.8		6.9
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009			8	7	7.0	8.0			5.0		6.0
16	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009			9	9	8.0	9.0			6.5		7.4
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009			8	7	7.0	8.0			4.5	9.3	8.6
18	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009			8	8	8.0	8.0			5.5		6.5
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009			8	7	7.0	7.0			5.3		6.0
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009			8	7	7.0	8.0			5.5		6.3
21	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009			8	7	5.0	8.0			5.0		5.7
22	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009			9	8	8.0	9.0			5.5		6.7
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/03/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009			7	5	5.0	8.0			4.3	9.5	8.2
25	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009			8	8	7.0	8.0			0.0	9.8	8.9
26	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009			8	8	7.0	8.0			2.0	0.0	4.3
27	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009			9	6	9.0	7.0			5.3		6.3
28	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009			8	8	7.0	8.0			3.8	8.0	7.9
29	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009			8	7	5.0	7.0			4.0	8.0	7.4
30	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009			9	5	8.0	9.0			6.0		6.8
31	2453403020206	Nguyễn Thanh	Thanh	18/02/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
32	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009			8	7	8.0	7.0			5.5		6.3
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009			10	9	9.0	9.0			5.8		7.1
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2009			9	6	9.0	7.0			5.0		6.1
35	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009			9	6	9.0	8.0			6.0		6.9
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009			9	6	9.0	8.0			8.5		8.4

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009			9	6	9.0	7.0			8.3		8.1
38	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009			9	6	9.0	7.0			8.5		8.2

Châu Đốc, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình